

Bản án số: **93/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 18-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài.

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Minh T, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 13, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 17, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-4-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Ngô Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Minh T và chị Nguyễn Thị C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 21-5-2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Sau khi tổ chức đám cưới, sáng hôm sau chị C tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung, tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15-6-2018, bị đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T chung sống vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới. Do chị và anh T tính tình không hòa hợp nên đã ly thân. Nay chị C đồng ý ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống không có con chung, không tạo lập tài sản chung và không có nợ người khác và cũng không ai nợ lại. Nay vì lý do công việc nên chị C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 15-6-2018, chị Nguyễn Thị C có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng chị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Minh T và chị Nguyễn Thị C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND N, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 21-5-2012 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, thấy rằng: Tại phiên tòa, anh T xác định thông qua mai mối khoảng 10 ngày tiến hành tổ chức lễ cưới và ngay sáng hôm sau thì chị C tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, ly thân cho đến nay. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C không phát sinh tình cảm yêu thương từ trước và trên thực tế không tồn tại quan hệ hôn nhân. Mặt khác, anh T thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với chị C và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai, chị C cũng thể hiện ý chí đồng ý ly hôn với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị C.

[4] Anh T và chị C đều xác định trong quá trình chung sống không có con chung, không có nợ người khác và không ai nợ lại anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí: Anh Ngô Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh T, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Minh T ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ngô Minh T và chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Ngô Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 17 tháng 4 năm 2018, anh T đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0011922 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Ngô Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã N, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út